TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 703/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 57, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 6 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 416/2024/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Minh T, sinh năm 1984
- Chị Võ Thị Phương T, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: Số A, đường T, Tổ I, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Võ Thị Phương T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay thành phố L) tỉnh Đồng Nai vào ngày 08/3/2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 22-2011, quyển số 01/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về mọi thứ, mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, mệt mỏi nhưng vì con cái nên vợ chồng đã cố gắng cho nhau cơ hội, hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả, vợ chồng không hoà hợp. Nay anh T và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Minh T và chị Võ Thị Phương T xác định có 02 con chung tên Trần Võ Yến N, sinh ngày 20/08/2011 và Trần Võ Huyền T, sinh ngày 05/5/2013. Hai bên thỏa thuận, chị Võ Thị Phương T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Trần Võ Yến N và Trần

Võ Huyền T. Anh Trần Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000 đồng/tháng (hai con chung là 8.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi quyết định này có hiệu lực đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Các bên tự thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Minh T và chị Võ Thị Phương T mỗi người phải nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi*) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Võ Thị Phương T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực giấy chứng nhận kết hôn số số 22-2011, quyển số 01/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay thành phố L) tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/3/2011 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Anh Trần Minh T và chị Võ Thị Phương T xác định có 02 con chung tên Trần Võ Yến N, sinh ngày 20/8/2011 và Trần Võ Huyền T, sinh ngày 05/5/2013. Hai bên thỏa thuận, chị Võ Thị Phương T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Trần Võ Yến N và Trần Võ Huyền T. Anh Trần Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng (hai con chung mỗi tháng là 8.000.000 (tám triệu) đồng) cho đến khi 02 con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi quyết định này có hiệu lực đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Các bên tự thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày chị Võ Thị Phương T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Minh T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì anh Trần Minh T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Chị Võ Thị Phương T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho anh Trần Minh T khi đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Trần Minh T thực hiện quyền này. Vì quyền và lợi ích của các con chung, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, ông Trần Minh T và bà Võ Thị Phương T mỗi người chịu là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0022245 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND Quận 12;
- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND xã Bảo Quang, tp Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo